

PHỤ LỤC 1

Các khoản thu, mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn phường Bình Phú
Năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố
(Đính kèm Công văn số /UBND-VHXX ngày tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Phú)

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mầm non			Tiểu học			THCS			Ghi chú
			Mức thu đang thực hiện	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu theo NQ18	Mức thu đang thực hiện	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu theo NQ18	Mức thu đang thực hiện	Mức thu đề nghị (Mức tối đa)	Mức thu theo NQ18	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	395.000	400.000	550.000	340.000	340.000	350.000	300.000	300.000	300.000	
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	135.000	150.000	220.000			60.000				
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ rước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/giờ			12.000							
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/ngày	128.000	128.000								
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	70.000	70.000	70.000	57.000	57.000	60.000	50.000	50.000	50.000	
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)											
6.1	Đối với lớp đã trang bị sẵn máy lạnh	đồng/học sinh/tháng	23.000	23.000	50.000	23.000	23.000	45.000	23.000	23.000	35.000	
6.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	đồng/học sinh/tháng	85.000	85.000	110.000	85.000	85.000	110.000	80.000	80.000	95.000	
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng			110.000	100.000	100.000	110.000	100.000	100.000	110.000	
8	Dịch vụ đưa rước trẻ, học sinh bằng xe ô tô											
8.1	Tuyến đường dưới 5km	đồng/học sinh/km			10.000			10.000			10.000	
8.2	Tuyến đường từ 5km trở lên	đồng/học sinh/km			8.000			8.000			8.000	

Ghi chú:

1. Tất cả các khoản thu tại Phụ lục này phải xây dựng Dự toán thu - chi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 "Cơ chế quản lý thu chi" của Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND

2. Giải thích từ ngữ:

Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm số liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến...